

Bản án số: 172/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 8 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 185/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Yến N, sinh năm 1978. Cư trú tại: Ấp N1, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Tạ Triều Q, sinh năm 1977. Cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của chị Phạm Yến N thể hiện:**

Về hôn nhân: Chị N và anh Tạ Triều Q kết hôn vào năm 1998, năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, huyện Đàm Dơi. Khi về chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã được hòa giải hàn gắn nhưng không khắc phục được nên đã ly thân hơn 02 năm nay. Từ nguyên nhân trên, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung gồm: Tạ Thị Yến L, sinh năm 1999 và Tạ Triều Hoàng L, sinh ngày 24/6/2002. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Hoàng L,

không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với Yến L đã trưởng thành nên không có ý kiến gì.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Không có.

* *Đối với anh Tạ Triều Q*: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh Q không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phạm Yến N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tạ Triều Q đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[2] Chị N và anh Q kết hôn vào năm 1998 đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi. Theo chị N: Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn đã được hòa giải hàn gắn nhưng không khắc phục được nên đã ly thân hơn 02 năm nay; do vậy, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Q. Trong khi đó, anh Q không có ý kiến về các nội dung và yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Xét yêu cầu của chị N, thấy rằng: Chị N yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh Q đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh Q không có thiện chí hòa giải, hàn gắn nên hôn nhân của anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N ly hôn với anh Q là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con gồm: Tạ Thị Yến L, sinh năm 1999 và Tạ Triều Hoàng L, sinh ngày 24/6/2002. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Hoàng L, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; đối với Yến L đã trưởng thành nên không có ý kiến gì.

Tại văn bản ghi nguyện vọng của Hoàng L thể hiện: Khi cha, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung cùng với mẹ là chị Phạm Yến N.

Xét yêu cầu của chị N phù hợp với nguyện vọng của Hoàng L trong khi anh Q cũng không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên cho chị N tiếp tục nuôi Hoàng L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Chị N xác định tự thỏa thuận về tài sản và các vấn đề khác không có; anh Q không có ý kiến gì về các vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Yến N. Cho chị N được ly hôn với anh Tạ Triều Q.

2. Về con chung: Giao Tạ Triều Hoàng L, sinh ngày 24/6/2002 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra; anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009518 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị N đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn